

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HS-ST
Ngày 17-11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Cao Đăng Trình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Hóa

Ông Vũ Văn Lầy

- Thư ký phiên toà: Bà Mai Thị Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Đặng Gia Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2020/TLST-HS ngày 04/11/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1278/2020/QĐXXST – HS ngày 05 tháng 11 năm 2020, đối với bị cáo:

Bùi Văn S, sinh năm 1975, tại Hải Phòng; nơi cư trú: Tổ H 1, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T và bà Dương Thị T (đã chết); chưa có vợ, con; tiền án: 01 tiền án, Bản án số 07/2018/HS-ST ngày 11/4/2018 của Tòa án nhân dân (TAND) quận K xử phạt 21 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; tiền sự: Không, nhân thân 05 lần bị kết án: Bản án số 19/HS-ST, ngày 31/8/1993 của TAND thị xã K xử 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Bản án số 18/HS-ST, ngày 07/6/1995 của TAND quận K xử 39 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Bản án số 562/HSST, ngày 23/11/1998 của TAND thành phố Hải Phòng xử 4 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; Bản án số 154/HSST, ngày 02/6/2004 của TAND thành phố Hải Phòng xử 4 năm tù về tội cố ý gây thương tích; Bản án số 60/HSST, ngày 16/10/2009 của TAND quận K xử 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, (cả 05 bản án đã được xóa án tích); bị tạm giữ từ ngày 08/8/2020, chuyển tạm giam ngày 11/8/2020 tại Trại tạm giam Hải Phòng, có mặt.

- Bị hại:

Ông Trần Văn Q, sinh năm 1962, chị Trần Thị Yến M, sinh năm 1993

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng, đều vắng mặt.

- **Người làm chứng:** Ông Bùi Văn T, chị Hoàng Thị L, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 08/8/2020, Bùi Văn S đi vào Bệnh viện K nhằm mục đích tìm sơ hở để trộm cắp tài sản bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. S đi lên tầng 3 Khoa tiết niệu Bệnh viện K phát hiện tại Phòng số 304 có hai bố con ông Trần Văn Q, chị Trần Thị Yên M và nhiều người khác đang nằm ngủ trong phòng. S phát hiện thấy 01 túi xách màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI và 01 sạc dự phòng nhãn hiệu Remax để ở trên giường cách chỗ nằm của ông Q. S đi vào dùng tay phải lấy 01 điện thoại, 01 sạc dự phòng cho vào túi quần trước bên trái của S đang mặc, S dùng tay phải cầm túi xách màu đen đi ra phía cầu thang mở túi lấy tiền bên trong và 01 phong bì thư dán kín rồi vứt túi xách xuống cầu thang, sau đó S đi về nhà thay quần áo rồi đi xe buýt sang đường tàu Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng để mua ma túy.

Đến 14 giờ cùng ngày, chị Trần Thị Yên M có đơn trình báo Công an phường Phù Liễn về việc bị mất tài sản gồm 01 túi xách màu đen bên trong có 14.000.000 đồng; 01 thẻ mua hàng Lotte, 01 ví da nam bên trong có 1.300.000 đồng; 01 Giấy chứng minh nhân dân và 01 Thẻ cựu chiến binh mang tên Trần Văn Q; 01 điện thoại Xiaomi và 01 sạc dự phòng Remax. Cơ quan điều tra tiến hành khám nghiệm hiện trường đã phát hiện, thu giữ 01 túi xách màu đen tại trước cửa phòng 304 hành lang Khoa tiết niệu Bệnh viện K. Chị M xác nhận chiếc túi trên là của chị.

Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, khi S đi xe buýt trở về nhà thì bị Công an quận K bắt giữ và thu giữ của S 01 gói giấy màu vàng bên trong có chứa tinh bột màu trắng; 02 bom kim tiêm; 01 lọ nước cất; 01 điện thoại Nokia màu xanh, 01 điện thoại Xiaomi; 01 sạc dự phòng Remax và số tiền 504.000 đồng.

Tại kết luận Giám định số 496/KLGD-MT ngày 11/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Mẫu chất bột gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,05 gam là loại Heroin.

Tại Kết luận định giá tài sản số 17/KLĐG ngày 11/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận K kết luận: Giá 01 chiếc điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Xiaomi vỏ màu xanh-trắng có trị giá 700.000 đồng; 01 túi xách nữ giả da đã qua sử dụng màu đen, quai bằng kim loại màu vàng có dán nhãn hiệu SuSen, kích thước 15x25cm có giá trị 100.000 đồng; 01 sạc pin dự phòng màu vàng-đen có giá trị 200.000 đồng. Tổng giá trị tài sản thời điểm ngày 08/8/2020 là 1.000.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra Bùi Văn S không thừa nhận đã chiếm đoạt số 14.000.000 đồng của chị Minh để ở ngăn giữa túi xách.

Bản Cáo trạng số 37/CT-VKS ngày 04/11/2020, Viện Kiểm sát nhân dân quận K đã truy tố Bùi Văn S về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Rút một phần quyết định truy tố đối với Bùi Văn S về số tiền chiếm đoạt của chị Minh là 14.000.000 đồng. Truy tố bị cáo đã có hành vi chiếm đoạt tài sản của bố con ông Q, chị Minh bao gồm: Số tiền 1.300.000 đồng; 01 điện thoại Xiaomi trị giá 700.000 đồng; 01 sạp dự phòng Remax trị giá 200.000 đồng và 01 túi xách màu đen trị giá 100.000 đồng vào trưa ngày 08/8/ 2020 tại Bệnh viện K; tổng trị giá tài sản là 2.300.000 đồng. Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo phạm tội trong trường hợp đã có Bản án số 07/2018/ HS-ST ngày 11/4/2018 của TAND quận K xử phạt 21 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích. Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết tăng nặng là tái phạm. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt Bùi Văn S từ 24 tháng đến 30 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không thừa nhận đã chiếm đoạt số tiền 14.000.000 đồng của chị Trần Thị Yến M. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho chị Minh số tiền 14.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo buộc bị cáo bồi thường thiệt hại dân sự cho ông Trần Văn Q số tiền 1.300.000 đồng, bồi thường cho chị Trần Thị Yến M số tiền 14.000.000 đồng.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 02 bom kim tiêm; 01 lọ nước cất;

Đối với số tiền 504.000 đồng thu giữ của bị cáo là số tiền còn lại, trong số tiền bị cáo chiếm đoạt của ông Q 1.300.000 đồng, sau đó sử dụng cá nhân và mua ma túy đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước;

Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại Nokia, 01 ví da màu nâu; 01 áo sơ mi dài tay màu trắng kẻ caro; 01 quần Jean màu xanh; 01 đôi dép màu xanh. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với số ma túy thu giữ của bị cáo đã lấy ra để giám định không còn, Cơ quan giám định hoàn lại phong bì niêm phong túi ma túy lưu lại hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật

Tổ tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Bùi Văn S không thừa nhận đã chiếm đoạt số tiền 14.000.000 đồng của chị Minh khai để ở ngăn giữa túi xách. Lời khai của bị cáo phù hợp với diễn biến quá trình thực hiện hành vi phạm tội như sau “Sau khi lấy được túi xách của chị Minh bị cáo mang ra chân cầu thang mở túi thấy có tiền và phong bì, bị cáo lấy tiền và phong bì mà không lục soát kỹ và bỏ lại túi xách ở cầu thang”. Khi phát hiện thu giữ túi xách ở trên bàn ngoài hành lang sát cửa sổ phòng 304 Khoa tiết niệu Bệnh viện. Mặt khác, chưa có đủ căn cứ chứng minh số tiền 14.000.000 đồng chị Minh để ở ngăn giữa của túi xách. Do đó, không đủ cơ sở kết luận bị cáo đã chiếm đoạt của chị Minh số tiền 14.000.000 đồng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K đã tách ra để xác minh làm rõ xử lý sau là phù hợp pháp luật.

[3] Sau khi xét hỏi, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K đã rút một phần Quyết định truy tố bị cáo đối với số tiền chiếm đoạt của chị Minh 14.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 319 Bộ luật Tố tụng hình sự, nên được chấp nhận. Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, với lời khai của người bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 12 giờ ngày 08/8/2020, tại phòng số 4, tầng 3 Khoa tiết niệu Bệnh Viện K. Bị cáo Bùi Văn S đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Trần Thị Yến M 01 túi xách giả da màu đen nhãn hiệu SuSen, 01 thẻ mua hàng Lotte; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi; 01 sạc pin dự phòng nhãn hiệu Remax; 01 ví da bên trong có 01 Giấy chứng minh nhân dân; 01 Thẻ cộ chiến binh và 1.300.000 đồng của ông Trần Văn Q, tổng trị giá là 2.300.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Như vậy, Viện Kiểm sát nhân dân quận K đã truy tố bị cáo về tội danh theo điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ và còn gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, phạm tội trong trường hợp đã có 06 lần bị kết án, trong đó đã được xóa án tích 05 bản án, 01 bản án chưa được xóa án tích. Vì vậy, phải đánh giá bị cáo là người có nhân thân xấu, ý thức chấp hành pháp luật kém, bị cáo chưa bồi thường thiệt hại dân sự cho bị hại. Do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo giáo dục bị cáo và đáp ứng yêu cầu phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội trong trường hợp đã có Bản án số 07/2018/HS-ST ngày 11/4/2018 của Tòa án nhân dân quận K xử phạt 21 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích, lại phạm tội do cố ý. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết tăng nặng là “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập và tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[8] Đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Bùi Văn S, do lượng ma túy không đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự, Công an quận K ra quyết định xử phạt hành chính là phù hợp.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không thừa nhận việc chiếm đoạt của chị Minh số tiền 14.000.000 đồng, nhưng tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường số tiền nêu trên. Xét thấy, việc bị cáo đồng ý bồi thường cho chị Minh số tiền 14.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận. Do đó, cần áp dụng Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại dân sự cho ông Trần Văn Q số tiền 1.300.000 đồng, chị Trần Thị Yến M số tiền 14.000.000 đồng.

[11] Về vật chứng trong vụ án: Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự; tịch thu tiêu hủy 02 bom kim tiêm; 01 lọ nước cất; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 504.000 đồng do bị cáo phạm tội mà có; trả lại cho bị cáo 01 điện thoại Nokia, 01 ví da màu nâu; 01 áo sơ mi dài tay màu trắng kẻ caro; 01 quần Jean màu xanh; 01 đôi dép màu xanh theo Biên bản giao vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự quận K.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bùi Văn S 24 (hai bốn) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 08/8/2020.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại dân sự cho ông Trần Văn Q số tiền 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng); bồi thường cho chị Trần Thị Yến M số tiền 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng).

- Về vật chứng trong vụ án: Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; tịch thu tiêu hủy 02 bơm kim tiêm; 01 lọ nước cất; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 504.000 đồng (*Năm trăm linh bốn nghìn đồng*); trả lại cho bị cáo 01 điện thoại Nokia, 01 ví da màu nâu, 01 áo sơ mi dài tay màu trắng kẻ karo; 01 quần Jean màu xanh; 01 đôi dép màu xanh, theo Biên bản giao vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự quận K.

- Về án phí: Áp dụng điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Bùi Văn S phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 765.000 đồng (*Bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với số tiền phải thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại;
- VKSND quận K;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cơ quan THAHS, Công an quận K;
- Chi cục THA dân sự K;
- Lưu: Hồ sơ, VT, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Đăng Trình